

TỔNG CTY CN XM VIỆT NAM
CÔNG TY CP XM VICEM HẢI VÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số : 966/XMHV- TCKT

Đà Nẵng, ngày 14 tháng 8 năm 2017

THÔNG BÁO

V/v công bố thông tin Báo cáo tài chính soát xét 30/6/2017

- Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh

Tên tổ chức: Công ty Cổ phần xi măng Vicem Hải Vân
Trụ sở chính: 65 Nguyễn Văn Cừ, Quận Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng
Điện thoại: 0236. 3842172 Fax: 0236. 3842441
Người thực hiện công bố thông tin: Trương Văn Tuấn
Địa chỉ thường trú: Số 09 Lê Độ, TP. ĐN
Điện thoại: 0905277747/ 0236. 3842529

Nội dung thông tin công bố:

Căn cứ Thông tư 155/2015/BTC ngày 06/10/2015 của Bộ tài chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông của Công ty cổ phần xi măng Vicem Hải Vân thông qua ngày 09/5/2017.

Công ty cổ phần xi măng Vicem Hải Vân xin thông báo về Báo cáo tài chính soát xét tại thời điểm 30/6/2017 kèm theo Báo cáo tài chính.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin đã công bố.

Nơi nhận :

- Như trên;
- Website;
- Lưu.

NGƯỜI THỰC HIỆN
CÔNG BỐ THÔNG TIN



Trương Văn Tuấn

Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Ngày 30 tháng 6 năm 2017



Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân

Số 65, Nguyễn Văn Cừ,
quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ	4
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ	10 - 42

Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân

Số 65, Nguyễn Văn Cừ,
quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân ("Công ty") tiền thân là một doanh nghiệp nhà nước được cổ phần hóa theo quyết định số 367/QĐ-BXD ngày 9 tháng 3 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

Sau cổ phần hóa, Công ty là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 3203001969 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp lần đầu ngày 1 tháng 4 năm 2008 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất số 0400101235 được cấp ngày 13 tháng 7 năm 2016.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là sản xuất và kinh doanh xi măng, các sản phẩm từ xi măng và đá xây dựng.

Công ty có trụ sở chính tại số 65, Nguyễn Văn Cừ, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

Công ty có đăng ký ba chi nhánh là:

- ▶ Nhà máy Xi măng Vạn Ninh tại thôn Áng Sơn, xã Vạn Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình;
- ▶ Xí nghiệp Tiêu thụ tại tổ 24 Nguyễn Phước Chu, phường Hòa Hiệp Bắc, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng; và
- ▶ Xí nghiệp Đá xây dựng Hòa Phát tại 185 Lê Trọng Tấn, phường Hòa Phát, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Bùi Hồng Minh	Chủ tịch	
Ông Trần Văn Khôi	Thành viên	
Ông Hồ Xuân Thu	Thành viên	
Ông Bùi Việt Minh	Thành viên	
Ông Nguyễn Anh Quân	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 9 tháng 5 năm 2017
Ông Trịnh Tường	Thành viên	Từ nhiệm ngày 9 tháng 5 năm 2017

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Lệ Hà	Trưởng Ban
Ông Hoàng Xuân Thịnh	Thành viên
Ông Nguyễn Hoàng Trí	Thành viên

12-02
TY
H
YOL
NAM
ÁNH
ỘI
T.F

Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân

Số 65, Nguyễn Văn Cừ,
quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Văn Khôi	Tổng Giám đốc
Ông Hồ Xuân Thu	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lưu Văn Bông	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đặng Ngọc Bảo	Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Trần Văn Khôi, Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân

Số 65, Nguyễn Văn Cừ,
quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính giữa niên độ cho từng giai đoạn tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc
Trần Văn Khôi

Đà Nẵng, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2017

Số tham chiếu: 61119178/19317093-LR

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân ("Công ty"), được lập ngày 14 tháng 8 năm 2017 và được trình bày từ trang 5 đến trang 42, bao gồm bảng cân đối kế toán giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

Bùi Anh Tuấn

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 1067-2013-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2017

Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải VânSố 65, Nguyễn Văn Cừ,
quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng**Báo cáo tài chính**cho giai đoạn tài chính sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
ngày 30 tháng 6 năm 2017

B01a-DN

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		274.135.603.554	258.169.488.644
110	I. Tiền	4	27.038.742.766	14.157.737.820
111	1. Tiền		27.038.742.766	14.157.737.820
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		115.014.656.915	117.860.313.860
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5.1	107.159.021.503	113.173.917.933
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5.2	2.644.860.850	1.439.400.000
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	16.059.998.058	14.116.219.423
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	5,6	(10.849.223.496)	(10.869.223.496)
140	III. Hàng tồn kho	8	121.658.638.755	121.690.241.806
141	1. Hàng tồn kho		121.658.638.755	121.690.241.806
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		10.423.565.118	4.461.195.158
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	8.556.695.414	1.125.000.004
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	14	1.453.411.863	2.842.185.046
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	14	413.457.841	494.010.108
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		780.904.473.559	798.962.069.113
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		258.405.831	233.104.055
216	1. Phải thu dài hạn khác		258.405.831	233.104.055
220	II. Tài sản cố định		725.107.691.824	749.078.964.652
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	720.514.280.952	744.395.578.932
222	Nguyên giá		1.185.175.517.877	1.184.116.426.968
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(464.661.236.925)	(439.720.848.036)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	4.593.410.872	4.683.385.720
228	Nguyên giá		5.523.713.418	5.523.713.418
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(930.302.546)	(840.327.698)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		14.756.999.849	13.307.518.095
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	14.756.999.849	13.307.518.095
260	IV. Tài sản dài hạn khác		40.781.376.055	36.342.482.311
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	40.781.376.055	36.342.482.311
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.055.040.077.113	1.057.131.557.757

JOB
C
NS
VI
CH
T
V.K

Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải VânSố 65, Nguyễn Văn Cừ,
quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng**Báo cáo tài chính**cho giai đoạn tài chính sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2017

B01a-DN

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		603.936.609.300	609.227.779.381
310	I. Nợ ngắn hạn		312.968.203.469	305.487.086.717
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	237.634.337.504	190.321.121.091
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		655.165.678	259.099.408
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	1.687.638.556	685.209.892
314	4. Phải trả người lao động		3.397.701.839	21.248.033.302
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	8.963.916.605	10.656.051.409
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	16	1.382.570.561	1.806.264.526
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn			
321	8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	17	57.062.339.565	79.668.987.939
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		588.748.030	588.748.030
			1.595.785.131	253.571.120
330	II. Nợ dài hạn		290.968.405.831	303.740.692.664
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	17	290.710.000.000	303.510.000.000
342	2. Dự phòng phải trả dài hạn		258.405.831	230.692.664
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		451.103.467.813	447.903.778.376
410	I. Vốn chủ sở hữu	18	451.103.467.813	447.903.778.376
411	1. Vốn cổ phần		415.252.500.000	415.252.500.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		415.252.500.000	415.252.500.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		(872.834.866)	(872.834.866)
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		15.949.797.232	4.233.797.232
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		20.774.005.447	29.290.316.010
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		15.791.316.010	17.718.058.625
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		4.982.689.437	11.572.257.385
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.055.040.077.113	1.057.131.557.757


 Người lập
 Bạch Doãn Long


 Phụ trách kế toán
 Trương Văn Tuấn


 Tổng Giám đốc
 Trần Văn Khôi

Đà Nẵng, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2017

Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải VânSố 65, Nguyễn Văn Cừ,
quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng**Báo cáo tài chính**cho giai đoạn tài chính sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

B02a-DN

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	19.1	454.646.152.439	466.146.981.711
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	19.1	(21.331.252.384)	(16.602.284.600)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	19.1	433.314.900.055	449.544.697.111
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	20	(392.158.099.162)	(398.381.257.569)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		41.156.800.893	51.163.439.542
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính		26.853.582	2.665.287.868
22	7. Chi phí tài chính	21	(15.906.494.845)	(19.989.923.092)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(15.892.692.237)	(19.988.851.964)
25	8. Chi phí bán hàng	22	(7.361.945.022)	(10.012.589.341)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	22	(10.416.360.039)	(14.408.219.120)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		7.498.854.569	9.417.995.857
31	11. Thu nhập khác		20.318.177	128.792.178
32	12. Chi phí khác		(1.020.768.760)	(135.863.008)
40	13. Lỗ khác		(1.000.450.583)	(7.070.830)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		6.498.403.986	9.410.925.027
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	24.1	(1.515.714.549)	(1.931.425.006)
60	16. Lợi nhuận sau thuế TNDN		4.982.689.437	7.479.500.021
70	17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	26	119,99	167,37
71	18. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	26	119,99	167,37


Người lập
Bạch Doãn Long

Phụ trách kế toán
Trương Văn Tuấn


Tổng Giám đốc
Trần Văn Khôi

Đà Nẵng, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2017

Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải VânSố 65, Nguyễn Văn Cừ,
quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng**Báo cáo tài chính**cho giai đoạn tài chính sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

B03a-DN

Đơn vị tính: VND


Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận trước thuế		6.498.403.986	9.410.925.027
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn tài sản cố định		22.867.994.076	24.027.702.971
03	Các khoản dự phòng		7.713.167	2.172.698.285
04	Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		3.173.392	1.071.128
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(26.853.582)	(2.665.287.868)
06	Chi phí lãi vay	21	15.892.692.237	19.988.851.964
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		45.243.123.276	52.935.961.507
09	Giảm/(tăng) các khoản phải thu		4.309.680.619	(56.015.342.422)
10	Giảm hàng tồn kho		2.193.972.712	8.744.737.664
11	Tăng các khoản phải trả		31.520.902.557	74.563.075.589
12	Tăng chi phí trả trước		(11.870.589.154)	(3.079.480.608)
14	Tiền lãi vay đã trả		(17.523.109.497)	(16.167.001.032)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(1.480.799.867)	-
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		52.393.180.646	60.981.950.698
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(4.129.207.516)	(1.371.700.000)
24	Tiền thu hồi cho vay		-	3.000.000.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (trừ đi tiền thu về)		-	35.898.454
27	Tiền thu từ hoạt động đầu tư		26.853.582	149.273.405
30	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động đầu tư		(4.102.353.934)	1.813.471.859

Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải VânSố 65, Nguyễn Văn Cừ,
quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng**Báo cáo tài chính**cho giai đoạn tài chính
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

B03a-DN

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay		132.462.065.063	275.139.029.346
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(167.868.713.437)	(347.795.887.228)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(35.406.648.374)	(72.656.857.882)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		12.884.178.338	(9.861.435.325)
60	Tiền đầu kỳ		14.157.737.820	26.361.313.603
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(3.173.392)	(1.071.128)
70	Tiền cuối kỳ	4	27.036.742.766	16.498.807.150


 Người lập
 Bạch Doãn Long


 Phụ trách kế toán
 Trương Văn Tuấn


 Tổng Giám đốc
 Trần Văn Khôi

Đà Nẵng, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017
và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-DN

1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân (“Công ty”) tiền thân là một doanh nghiệp nhà nước được cổ phần hóa theo quyết định số 367/QĐ-BXD ngày 9 tháng 3 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

Sau cổ phần hóa, Công ty là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 3203001969 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp lần đầu ngày 1 tháng 4 năm 2008 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất số 0400101235 được cấp ngày 13 tháng 7 năm 2016.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là sản xuất và kinh doanh xi măng, các sản phẩm từ xi măng và đá xây dựng.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính tại số 65, Nguyễn Văn Cừ, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

Công ty có đăng ký ba chi nhánh là:

- ▶ Nhà máy Xi măng Vạn Ninh tại thị xã Áng Sơn, xã Vạn Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình;
- ▶ Xí nghiệp Tiêu thụ tại tổ 24 Nguyễn Phước Chu, phường Hòa Hiệp Bắc, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng; và
- ▶ Xí nghiệp Đá xây dựng Hòa Phát tại 185 Lê Trọng Tấn, phường Hòa Phát, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 là: 505 (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 511).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân (“Công ty”) được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân

Số 65, Nguyễn Văn Cừ,
quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng

Báo cáo tài chính

cho giai đoạn tài chính sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017
và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-DN

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng (tiếp theo)

Theo đó, báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là đồng Việt Nam (VND).

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các định chế tài chính khác.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán công cụ, dụng cụ và, phụ tùng thay thế vật tư và phương pháp kê khai định kỳ để hạch toán nguyên vật liệu, sản phẩm sản xuất kinh doanh dở dang và thành phẩm với giá trị được xác định như sau:

- | | | |
|--------------------------------------------------------|---|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ và phụ tùng thay thế | - | Chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền cuối kỳ (theo tháng). |
| Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | - | Giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên các tiêu chí phù hợp theo phương pháp bình quân gia quyền. |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

B09a-DN

vào ngày 30 tháng 6 năm 2017

và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.2 Hàng tồn kho (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá cho hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

3.5 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017
và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-DN

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 48 năm
Máy móc, thiết bị	5 - 20 năm
Phương tiện vận tải	5 - 12 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 8 năm
Phần mềm máy tính	3 - 10 năm

3.8 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ.

3.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ:

- ▶ Tiền thuê đất trả trước dài hạn;
- ▶ Chi phí sửa chữa lớn và thay thế vật tư dài hạn;
- ▶ Chi phí giải phóng mặt bằng; và
- ▶ Tiền thuê văn phòng trả trước dài hạn.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo các hợp đồng thuê đất của Công ty. Theo Thông tư 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ("Thông tư 45"), các khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

B09a-DN

vào ngày 30 tháng 6 năm 2017

và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.11 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch;
- ▶ Giao dịch góp vốn hoặc nhận vốn góp được hạch toán theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán giữa niên độ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

3.12 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên:

Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017
và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-DN

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 Phân chia lợi nhuận (tiếp theo)

Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ.

3.13 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Phí gia công

Doanh thu được ghi nhận khi dịch vụ được thực hiện và Công ty nhận được biên bản bàn giao, nghiệm thu từ khách hàng.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

3.14 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

B09a-DN

vào ngày 30 tháng 6 năm 2017

và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc niên độ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho giai đoạn tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải VânSố 65, Nguyễn Văn Cừ,
quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng**Báo cáo tài chính**cho giai đoạn tài chính sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

B09a-DN

vào ngày 30 tháng 6 năm 2017

và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**3.14 Thuế (tiếp theo)***Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)*

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

4. TIỀN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
Tiền mặt tại quỹ	43.211.262	577.760.983
Tiền gửi ngân hàng	26.991.047.335	13.575.512.688
Tiền gửi tại công ty tài chính (**)	4.484.169	4.464.149
TỔNG CỘNG	<u>27.038.742.766</u>	<u>14.157.737.820</u>

(*) Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017, toàn bộ số dư tiền gửi ngân hàng đã được sử dụng làm tài sản thế chấp cho khoản vay ngắn hạn tại ngân hàng thương mại như đã được trình bày trong Thuyết minh số 17.

(**) Đây là khoản tiền gửi không kỳ hạn bằng đồng Việt Nam tại Công ty Tài chính Cổ phần Xi măng (CFC) với mức lãi suất 1%/năm.

Các thông tin bổ sung về lưu chuyển tiền tệ:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai:		
- Mua và sáp nhập doanh nghiệp qua việc phát hành cổ phiếu	-	9.391.500.000
Số tiền đi vay thực thu trong kỳ		
- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	132.462.065.063	275.139.029.346
Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ		
- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	167.868.713.437	347.795.887.228

Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải VânSố 65, Nguyễn Văn Cừ,
quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng**Báo cáo tài chính**cho giai đoạn tài chính sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017
và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-DN

5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**5.1 Phải thu khách hàng ngắn hạn**

	Đơn vị tính: VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Phải thu từ khách hàng (*)	77.158.975.852	35.329.783.561
- Công ty Cổ phần Đầu tư & Thương mại Đại Việt	11.486.911.777	-
- Công ty TNHH Thịnh Phú Cường	10.367.866.872	6.520.801.927
- Công ty Cổ phần Công nghệ phẩm Đà Nẵng	5.713.776.777	5.713.776.778
- Các khoản phải thu khách hàng khác	49.590.420.426	23.095.204.856
Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số 25)	30.000.045.651	77.844.134.372
TỔNG CỘNG	107.159.021.503	113.173.917.933
Dự phòng phải thu khó đòi	(6.807.784.189)	(6.827.784.189)

(*) Công ty đã sử dụng phần lớn các khoản phải thu của khách hàng làm tài sản thế chấp cho khoản vay ngắn hạn tại ngân hàng thương mại như được trình bày trong Thuyết minh số 17.

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi:

	Đơn vị tính: VND	
	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
Dự phòng phải thu khó đòi đầu kỳ	6.827.784.189	4.409.832.014
Cộng: Dự phòng trích lập trong kỳ	-	1.937.396.511
Tăng do sáp nhập Công ty Đá Hòa Phát	-	516.906.328
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(20.000.000)	-
Dự phòng phải thu khó đòi cuối kỳ	6.807.784.189	6.864.134.853

5.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Đơn vị tính: VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Trả trước cho người bán	2.644.860.850	939.400.000
- Công ty TNHH Công nghệ V.H.P	958.169.850	-
- Công ty Cổ phần Lắp máy và Dịch vụ công nghiệp Lamamiss	659.451.000	-
- Công ty TNHH LECO	374.730.000	-
- Công ty Cổ phần Thương mại ô tô Long Biên	-	580.000.000
Các khoản trả trước khác	652.510.000	359.400.000
Trả trước cho các bên liên quan (Thuyết minh số 25)	-	500.000.000
TỔNG CỘNG	2.644.860.850	1.439.400.000
Dự phòng trả trước khó thu hồi	(31.500.000)	(31.500.000)

Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải VânSố 65, Nguyễn Văn Cừ,
quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng**Báo cáo tài chính**cho giai đoạn tài chính sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

B09a-DN

vào ngày 30 tháng 6 năm 2017

và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN (tiếp theo)**5.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn (tiếp theo)**

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng các khoản trả trước khó thu hồi:

	Đơn vị tính: VND	
	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
Số dư dự phòng đầu kỳ	31.500.000	31.500.000
Cộng: Trích lập dự phòng trong kỳ	-	210.000.000
Số dư dự phòng cuối kỳ	31.500.000	241.500.000

6. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	Đơn vị tính: VND			
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017		Ngày 31 tháng 12 năm 2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tạm ứng hợp đồng xây lắp nhà máy xi măng Hải Vân với Công ty TNHH MTV Xây dựng Quảng Nam trước cổ phần hóa	3.585.012.557	(3.585.012.557)	3.585.012.557	(3.585.012.557)
Phải thu Công ty TNHH Thăng Long tiền bán xi măng phục vụ công tác xây dựng trường dân lập Chu Văn An	424.926.750	(424.926.750)	424.926.750	(424.926.750)
Cho vay clinker	10.047.463.335	-	8.093.883.120	-
Phải thu tiền bồi thường bảo hiểm	638.528.564	-	638.528.564	-
Ký quỹ hoàn nguyên môi trường tại Xí nghiệp Đá xây dựng Hòa Phát	588.748.039	-	588.748.039	-
Tạm ứng cho nhân viên	213.579.999	-	228.952.910	-
Phải thu khác	561.738.814	-	556.167.483	-
TỔNG CỘNG	16.059.998.058	(4.009.939.307)	14.116.219.423	(4.009.939.307)
<i>Trong đó:</i>				
<i>Phải thu khác</i>	6.012.534.723	(4.009.939.307)	6.022.336.303	(4.009.939.307)
<i>Phải thu khác từ các bên liên quan (Thuyết minh số 25)</i>	10.047.463.335	-	8.093.883.120	-

Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải VânSố 65, Nguyễn Văn Cừ,
quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng**Báo cáo tài chính**cho giai đoạn tài chính sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

B09a-DN

vào ngày 30 tháng 6 năm 2017

và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

7. NỢ XẤU

Đơn vị tính: VND

Đối tượng nợ	Ngày 30 tháng 6 năm 2017		Ngày 31 tháng 12 năm 2016	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty Cổ phần Công nghệ phẩm Đà Nẵng	5.713.776.777	-	5.713.776.777	-
Công ty TNHH MTV Xây dựng Quảng Nam	3.585.012.557	-	3.585.012.557	-
Công ty TNHH Thăng Long	424.926.750	-	424.926.750	-
Các đối tượng khác	1.243.295.859	117.788.447	1.263.295.859	117.788.447
Tổng cộng	10.967.011.943	117.788.447	10.987.011.943	117.788.447

8. HÀNG TỒN KHO

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017		Ngày 31 tháng 12 năm 2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi đường	-	-	1.332.349.908	-
Nguyên liệu, vật liệu	21.455.009.917	-	27.458.279.377	-
Phụ tùng sửa chữa, thay thế	18.354.321.312	-	26.471.797.494	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	64.701.257.084	-	57.797.091.391	-
Thành phẩm	16.532.011.023	-	7.765.572.734	-
Công cụ dụng cụ	567.485.680	-	444.858.010	-
Hàng tồn kho khác	48.553.739	-	420.292.892	-
TỔNG CỘNG	121.658.638.755	-	121.690.241.806	-

(*) Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017, toàn bộ giá trị hàng tồn kho đã được sử dụng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn tại các ngân hàng thương mại như đã được trình bày trong Thuyết minh số 17.

Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải VânSố 65, Nguyễn Văn Cừ,
quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng**Báo cáo tài chính**cho giai đoạn tài chính sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-DN

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Trang thiết bị văn phòng	Tổng cộng
Nguyên giá:					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	498.895.026.080	656.986.895.150	21.715.725.472	6.518.780.266	1.184.116.426.968
- Mua trong kỳ	-	-	1.059.090.909	-	1.059.090.909
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017	498.895.026.080	656.986.895.150	22.774.816.381	6.518.780.266	1.185.175.517.877
Trong đó:					
Đã khấu hao hết	11.305.450.561	154.961.612.807	8.815.364.419	4.379.229.084	179.461.656.871
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	146.659.128.502	272.867.082.769	14.943.431.663	5.251.205.102	439.720.848.036
- Khấu hao trong kỳ	9.218.929.119	14.387.378.044	904.737.802	429.343.924	24.940.388.889
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017	155.878.057.621	287.254.460.813	15.848.169.465	5.680.549.026	464.661.236.925
Giá trị còn lại:					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	352.235.897.578	384.119.812.381	6.772.293.809	1.267.575.164	744.395.578.932
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017	343.016.968.459	369.732.434.337	6.926.646.916	838.231.240	720.514.280.952
Trong đó:					
Tài sản sử dụng để thế chấp (*)	326.980.302.236	360.782.921.318	3.634.499.049	-	691.397.722.603

(*) Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017, một số tài sản cố định là nhà cửa, vật kiến trúc, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, dây chuyền sản xuất clinker với giá trị còn lại khoảng 691.4 tỷ VND đã được sử dụng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay tại các ngân hàng thương mại như đã được trình bày trong Thuyết minh số 17.

Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải VânSố 65, Nguyễn Văn Cừ,
quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng**Báo cáo tài chính**cho giai đoạn tài chính sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017
và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-DN

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<i>Đơn vị tính: VND</i>		
	<i>Quyền khai thác mỏ đá vôi</i>	<i>Phần mềm máy tính</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	5.398.490.788	125.222.630	5.523.713.418
- Tăng trong kỳ	-	-	-
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017	<u>5.398.490.788</u>	<u>125.222.630</u>	<u>5.523.713.418</u>
<i>Trong đó:</i>			
<i>Đã khấu hao hết</i>	-	125.222.630	125.222.630
Giá trị hao mòn:			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	715.105.068	125.222.630	840.327.698
- Hao mòn trong kỳ	<u>89.974.848</u>	-	<u>89.974.848</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017	<u>805.079.916</u>	<u>125.222.630</u>	<u>930.302.546</u>
Giá trị còn lại:			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	<u>4.683.385.720</u>	-	<u>4.683.385.720</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017	<u>4.593.410.872</u>	-	<u>4.593.410.872</u>
<i>Trong đó:</i>			
<i>Tài sản sử dụng để thế chấp (*)</i>	4.593.410.872	-	4.593.410.872

(*) Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017, quyền khai thác mỏ đá vôi đã được sử dụng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay tại các ngân hàng thương mại như đã được trình bày trong Thuyết minh số 17.

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>		<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị có thể thu hồi</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị có thể thu hồi</i>
Dự án phần mềm Oracle	9.063.715.302	9.063.715.302	9.063.715.302	9.063.715.302
Chi phí thăm dò mỏ sét (*)	2.857.656.199	2.857.656.199	2.857.656.199	2.857.656.199
Dự án trạm trung chuyển xi măng tại Quy Nhơn	885.931.754	885.931.754	117.450.000	117.450.000
Dự án nhà máy xi măng Thăng Lợi	1.268.696.594	1.268.696.594	1.268.696.594	1.268.696.594
Mua sắm thiết bị	<u>681.000.000</u>	<u>681.000.000</u>	-	-
TỔNG CỘNG	<u>14.756.999.849</u>	<u>14.756.999.849</u>	<u>13.307.518.095</u>	<u>13.307.518.095</u>

(*) Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017, các chi phí thăm dò mỏ sét đang được sử dụng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay tại ngân hàng thương mại như đã được trình bày trong Thuyết minh số 17.

Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải VânSố 65, Nguyễn Văn Cừ,
quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng**Báo cáo tài chính**cho giai đoạn tài chính sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017
và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-DN

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Đơn vị tính: VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Ngắn hạn		
Chi phí sửa chữa lớn	6.763.097.908	-
Chi phí thuê dây chuyền xi măng	1.325.000.004	1.125.000.004
Chi phí cấp quyền khai thác mỏ	468.597.502	-
TỔNG CỘNG	8.556.695.414	1.125.000.004
Dài hạn		
Chi phí giải phóng mặt bằng (*)	29.536.291.580	30.039.318.700
Tiền thuê đất trả trước (**)	3.830.164.957	3.894.001.039
Công cụ, dụng cụ xuất dùng dài hạn	7.377.578.067	2.330.858.679
Chi phí trả trước dài hạn khác	37.341.451	78.303.893
TỔNG CỘNG	40.781.376.055	36.342.482.311

(*) Đây là tiền đền bù giải phóng mặt bằng cho 89,297.7m² đất theo chủ trương hỗ trợ giải phóng mặt bằng để di dời các hộ dân bị ảnh hưởng ô nhiễm môi trường xung quanh nhà máy xi măng Vạn Ninh của Ủy ban Nhân dân huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình.

Bên cạnh đó, theo Công văn số 1381/VPUBND-KTTH của Văn phòng Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Bình ngày 24 tháng 7 năm 2015, Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Bình đồng ý chủ trương cho Công ty được thuê bổ sung diện tích đất khu vực giải tỏa xung quanh nhà máy để tiếp tục thực hiện dự án nhà máy xi măng Vạn Ninh. Do đó, vào ngày 2 tháng 10 năm 2016, Công ty đã ký hợp đồng thuê đất dài hạn số 129/HĐTĐ với Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Bình để thuê lại tổng diện tích 89,297.7m² đất với thời hạn thuê đất từ ngày 12 tháng 10 năm 2016 đến ngày 6 tháng 6 năm 2058.

(**) Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017, toàn bộ giá trị còn lại của tiền thuê đất trả trước tại nhà máy xi măng Hải Vân đã được sử dụng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay tại các ngân hàng thương mại như đã được trình bày trong Thuyết minh số 17.

Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải VânSố 65, Nguyễn Văn Cừ,
quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng**Báo cáo tài chính**cho giai đoạn tài chính sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017
và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-DN

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017		Ngày 31 tháng 12 năm 2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả cho người bán	81.332.946.186	81.332.946.186	83.547.328.420	83.547.328.420
- Công ty TNHH MTV Hùng Trường	13.613.319.185	13.613.319.185	16.504.722.960	16.504.722.960
- Công ty Cổ phần Cơ khí Đông Anh LICOGI	9.794.669.355	9.794.669.355	10.949.941.875	10.949.941.875
- Phải trả đối tượng khác	57.924.957.646	57.924.957.646	56.092.663.585	56.092.663.585
Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 25)	156.301.391.318	156.301.391.318	106.773.792.671	106.773.792.671
TỔNG CỘNG	237.634.337.504	237.634.337.504	190.321.121.091	190.321.121.091

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Đơn vị tính: VND

	Ngày 31 tháng 12 năm 2016	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Ngày 30 tháng 6 năm 2017
Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	102.853.588	5.174.953.174	4.264.676.556	1.013.130.206
Thuế tài nguyên	367.046.230	1.970.146.376	1.923.747.627	413.444.979
Phí bảo vệ môi trường	199.963.560	1.108.935.705	1.070.117.710	238.781.555
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	1.480.799.867	1.480.799.867	-
Các khoản khác	15.346.514	1.442.855.166	1.435.919.864	22.281.816
TỔNG CỘNG	685.209.892	11.177.690.288	10.175.261.624	1.687.638.556

Đơn vị tính: VND

	Ngày 31 tháng 12 năm 2016	Số phải thu trong kỳ	Số cần trừ trong kỳ	Ngày 30 tháng 6 năm 2017
Phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	2.842.185.046	-	1.388.773.183	1.453.411.863
Thuế thu nhập doanh nghiệp	448.372.523	-	34.914.682	413.457.841
Thuế phải thu khác	45.637.585	-	45.637.585	-
TỔNG CỘNG	3.336.195.154	-	1.469.325.450	1.866.869.704

Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải VânSố 65, Nguyễn Văn Cừ,
quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng**Báo cáo tài chính**cho giai đoạn tài chính sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017
và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-DN

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
Chi phí lãi vay phải trả	4.997.374.460	6.627.791.720
Tiền điện phải trả	1.493.079.760	2.037.481.220
Chi phí vận chuyển	1.488.381.818	-
Chi phí gia công xi măng	-	940.000.000
Chi phí phải trả khác	985.080.567	1.050.778.469
TỔNG CỘNG	8.963.916.605	10.656.051.409
<i>Trong đó:</i>		
<i>Chi phí phải trả ngắn hạn</i>	8.963.916.605	8.485.495.853
<i>Chi phí phải trả ngắn hạn cho các bên liên quan (Thuyết minh số 25)</i>	-	2.170.555.556

16. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và bảo hiểm xã hội	1.033.591.968	635.326.592
Phải trả tiền giải phóng tàu nhanh	-	780.000.000
Phải trả chi phí hỗ trợ hộ nghèo	-	200.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	348.978.593	190.937.934
TỔNG CỘNG	1.382.570.561	1.806.264.526
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả ngắn hạn khác</i>	1.382.570.561	1.606.264.526
<i>Phải trả ngắn hạn cho các bên liên quan (Thuyết minh số 25)</i>	-	200.000.000

Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải VânSố 65, Nguyễn Văn Cừ,
quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng**Báo cáo tài chính**cho giai đoạn tài chính sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-DN

17. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

	Ngày 31 tháng 12 năm 2016		Số phát sinh trong kỳ		Ngày 30 tháng 6 năm 2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn						
Vay ngân hàng (*)	65.668.987.939	65.668.987.939	132.462.065.063	(153.868.713.437)	44.262.339.565	44.262.339.565
Vay dài hạn đến hạn trả (**)	14.000.000.000	14.000.000.000	12.800.000.000	(14.000.000.000)	12.800.000.000	12.800.000.000
	79.668.987.939	79.668.987.939	145.262.065.063	(167.868.713.437)	57.062.339.565	57.062.339.565
Vay dài hạn						
Vay ngân hàng (**)	303.510.000.000	303.510.000.000	-	(12.800.000.000)	290.710.000.000	290.710.000.000
	303.510.000.000	303.510.000.000	-	(12.800.000.000)	290.710.000.000	290.710.000.000
TỔNG CỘNG	383.178.987.939	383.178.987.939	145.262.065.063	(180.668.713.437)	347.772.339.565	347.772.339.565

(*) Đây là các kế ước vay ngắn hạn để thanh toán cho các nhà cung cấp theo hợp đồng tín dụng số 01/2015/256993/HĐTĐ ký ngày 1 tháng 7 năm 2015 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bắc Quảng Bình. Lãi suất được xác định trong từng kế ước vay cụ thể và lãi suất của các kế ước hiện tại là 5%/năm. Thời hạn các khoản vay là 72 ngày kể từ ngày giải ngân và sẽ đáo hạn trước hoặc trong tháng 8 năm 2017. Cũng theo hợp đồng này, các kế ước vay ngắn hạn này được đảm bảo bằng toàn bộ Dự án đầu tư nhà máy Xi măng Vạn Ninh, toàn bộ tài sản ngắn hạn luân chuyển trong quá trình sản xuất kinh doanh của Công ty và toàn bộ số dư tiền gửi, các nguồn thu của Công ty tại ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-DN

17. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(**) Chi tiết các khoản vay dài hạn và vay dài hạn đến hạn trả được trình bày như sau:

Bên cho vay	Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 (VND)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bắc Quảng Bình với tư cách là Ngân hàng Đầu mối, Đại lý nhận tài sản bảo đảm và Bên cho vay và Ngân hàng Liên doanh Việt Nga – Chi nhánh Đà Nẵng với tư cách là Bên cho vay.	236.000.000.000	Thời hạn cho vay là 144 tháng kể từ ngày 17 tháng 12 năm 2015 đến ngày 17 tháng 12 năm 2027. Trả nợ gốc định kỳ vào ngày 1 tháng 2, tháng 5, tháng 8 và tháng 11 bắt đầu từ ngày 1 tháng 2 năm 2016. Lãi vay được trả định kỳ vào ngày 15 các tháng 1, tháng 4, tháng 7 và tháng 10.	Lãi suất huy động vốn kỳ hạn 12 tháng tại ngày điều chỉnh cộng biên độ từ 2% tới 2,8%/năm. Lãi suất điều chỉnh 3 tháng một lần vào tháng 1, tháng 4, tháng 7 và tháng 10. Lãi suất áp dụng cho kỳ hiện tại là 8,9%/năm.	<ul style="list-style-type: none"> Hợp đồng thế chấp tài sản số 02/2015/256993/HDDA với tổng giá trị ước tính là 344.660.000.000 VND bao gồm: Các quyền sử dụng đất được UBND tỉnh Quảng Bình cấp tại Nhà máy Vạn Ninh, Nhà máy xi măng Vạn Ninh và các hạng mục công trình liên quan đến Dự án Nhà máy xi măng Vạn Ninh, tất cả quyền lợi ích, các khoản bồi hoàn, bảo hiểm và các khoản thanh toán khác có thể trao đổi thay thế. Hợp đồng thế chấp tài sản số 03/2015/256993/HDDA với tổng giá trị ước tính là 467.320.000.000 VND bao gồm: các Hợp đồng Được thế chấp, Hợp đồng Bảo hiểm và tiền thu được từ các Hợp đồng Bảo hiểm, các Tài khoản và số dư trên các tài khoản, Máy móc thiết bị, các Chấp thuận, toàn bộ tài sản, doanh thu, thu nhập, lợi nhuận, các khoản phải thu khác và các quyền lợi ích bồi hoàn liên quan đến Dự án Nhà máy Vạn Ninh. Hợp đồng thế chấp tài sản số 04/2015/256993/HDBD với tổng giá trị ước tính là 1.800.000.000 VND bao gồm: Quyền khai thác khoáng sản theo Giấy phép khai thác khoáng sản số 3163/GP-BTNMT do Bộ Tài nguyên môi trường cấp ngày 30/12/2014 và các quyền lợi ích bồi hoàn liên quan.
<i>Trong đó nợ dài hạn đến hạn trả</i>	<i>11.800.000.000</i>			
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bắc Quảng Bình	22.000.000.000	Thời hạn cho vay là 87 tháng từ ngày 16 tháng 10 năm 2015 đến ngày 1 tháng 11 năm 2022. Trả gốc định kỳ 3 tháng vào các ngày 1 các tháng 2, tháng 5, tháng 8 và tháng 11 bắt đầu từ ngày 1 tháng 2 năm 2016. Lãi vay được trả định kỳ vào ngày 15 các tháng 1, tháng 4, tháng 7 và tháng 10.	Lãi suất huy động vốn kỳ hạn 12 tháng tại ngày điều chỉnh cộng biên độ từ 2 đến 2,8%/năm. Lãi suất điều chỉnh 3 tháng một lần vào tháng 1, tháng 4, tháng 7 và tháng 10. Lãi suất áp dụng cho kỳ hiện tại là 8,9%/năm.	Vay tín chấp.
<i>Trong đó nợ dài hạn đến hạn trả</i>	<i>1.000.000.000</i>			

Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân

Số 65, Nguyễn Văn Cừ,
quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng

Báo cáo tài chính

cho giai đoạn tài chính sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-DN

17. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(**) Chi tiết các khoản vay dài hạn và vay dài hạn đến hạn trả được trình bày như sau (tiếp theo):

Bên cho vay	Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 (VND)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng	45.510.000.000	Thời gian cho vay là 120 tháng từ 29 tháng 12 năm 2015 đến ngày 24 tháng 7 năm 2025. Trả nợ gốc định kỳ vào ngày 5 tháng 3, tháng 6, tháng 9 và tháng 12 bắt đầu từ ngày 5 tháng 3 năm 2016. Lãi vay thanh toán 3 tháng một lần tính từ ngày giải ngân đầu tiên.	Lãi suất huy động vốn kỳ hạn 12 tháng tại ngày điều chỉnh cộng biên độ 2,3%/năm đối với năm thứ 1 và 2,5%/năm đối với các năm tiếp theo. Được điều chỉnh 3 tháng 1 lần vào các tháng 2, tháng 5, tháng 8 và tháng 11. Lãi suất áp dụng cho kỳ hiện tại là 9,3%/năm.	<ul style="list-style-type: none">Hợp đồng thế chấp tài sản số 03/2015-HĐTC/NHCT480-Vicem Hải Vân với tổng giá trị ước tính là 127.830.000.000 VND bao gồm: Các tài sản gắn liền với thửa đất Phân xưởng 1, Phân xưởng 2 bao gồm các khu nhà làm việc, nhà nghiên cứu, nhà kho, xí lò... và các quyền lợi ích bồi hoàn liên quan tại Nhà máy xi măng Hải Vân.Hợp đồng thế chấp tài sản số 04/2015-HĐTC/NHCT480-Vicem Hải Vân với tổng giá trị ước tính là 27.256.000.000 VND bao gồm: các máy móc thiết bị phục vụ sản xuất và các quyền lợi ích bồi hoàn liên quan tại Nhà máy xi măng Hải Vân.Hợp đồng thế chấp tài sản số 05/2015-HĐTC/NHCT480-Vicem Hải Vân với tổng giá trị ước tính là 3.165.000.000 VND bao gồm: các xe xúc chuyên dụng và các quyền lợi ích bồi hoàn liên quan tại Nhà máy xi măng Hải Vân.Hợp đồng thế chấp tài sản số 06/2015-HĐTC/NHCT480-Vicem Hải Vân với tổng giá trị ước tính là 975.000.000 VND bao gồm: xe ô tô 16 chỗ các thiết bị đi kèm, các quyền lợi ích bồi hoàn liên quan.Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2015-HĐTC/NHCT480-VICEM HAI VAN với tổng giá trị ước tính là 57.469.000.000 VND bao gồm:<ul style="list-style-type: none">✓ Dây chuyền máy móc thiết bị tại Phân xưởng 2 bao gồm 1 cụm khí nén, cụm L, M, N, P, hệ thống điều khiển, silo xi măng, silo thạch cao và phụ gia, silo clinker và phễu tiếp liệu;✓ Quyền và lợi ích của công ty phát sinh từ các hợp đồng bảo hiểm;✓ Tất cả quyền tài sản, lợi ích các khoản bồi hoàn và các khoản thanh toán liên quan đến tài sản nêu trên.
Trong đó nợ dài hạn đến hạn trả	-			
TỔNG CỘNG	303.510.000.000			
Trong đó:				
Vay dài hạn đến hạn trả	12.800.000.000			
Vay dài hạn	290.710.000.000			

Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải VânSố 65, Nguyễn Văn Cừ,
quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng**Báo cáo tài chính**cho giai đoạn tài chính sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-DN

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU**18.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

	Vốn góp	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 (Trình bày lại)	399.600.000.000	3.665.134	4.233.797.232	18.538.518.625	422.375.980.991
- Tăng vốn	15.652.500.000	(876.500.000)	-	-	14.776.000.000
- Lỗi chuyển sang từ Công ty Cổ phần Đá Hòa Phát	-	-	-	(6.261.000.000)	(6.261.000.000)
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(820.460.000)	(820.460.000)
- Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	7.479.500.021	7.479.500.021
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	<u>415.252.500.000</u>	<u>(872.834.866)</u>	<u>4.233.797.232</u>	<u>18.936.558.646</u>	<u>437.550.021.012</u>
Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	415.252.500.000	(872.834.866)	4.233.797.232	29.290.316.010	447.903.778.376
- Trích quỹ đầu tư phát triển (*)	-	-	11.716.000.000	(11.716.000.000)	-
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-	-	-	(1.783.000.000)	(1.783.000.000)
- Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	4.982.689.437	4.982.689.437
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017	<u>415.252.500.000</u>	<u>(872.834.866)</u>	<u>15.949.797.232</u>	<u>20.774.005.447</u>	<u>451.103.467.813</u>

(*) Vào ngày 9 tháng 5 năm 2017, theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 16/NQ - ĐHĐCĐ, Đại hội đồng Cổ đông thường niên đã thông qua phương án trích sử dụng lợi nhuận để lại của năm 2016 để trích quỹ khen thưởng phúc lợi với số tiền là 1.783.000.000 VND và quỹ đầu tư phát triển với số tiền là 11.716.000.000 VND.

Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải VânSố 65, Nguyễn Văn Cừ,
quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng**Báo cáo tài chính**cho giai đoạn tài chính sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017
và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-DN

18. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**18.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017			Ngày 31 tháng 12 năm 2016		
	Tổng số	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi	Tổng số	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi
Vốn đầu tư của Nhà nước	314.557.600.000	314.557.600.000	-	314.557.600.000	314.557.600.000	-
Vốn góp của cổ đông khác	100.694.900.000	100.694.900.000	-	100.694.900.000	100.694.900.000	-
Thặng dư vốn cổ phần	(872.834.866)	(872.834.866)	-	(872.834.866)	(872.834.866)	-
TỔNG CỘNG	414.379.665.134	414.379.665.134	-	414.379.665.134	414.379.665.134	-

18.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

Đơn vị tính: VND

	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
Vốn đầu tư đã góp của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu kỳ	415.252.500.000	399.600.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	15.652.500.000
Vốn góp cuối kỳ	415.252.500.000	415.252.500.000
Cổ tức đã chia	-	-

18.4 Cổ phiếu

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017		Ngày 31 tháng 12 năm 2016	
	Số lượng	VND	Số lượng	VND
Cổ phiếu đăng ký phát hành	41.525.250	415.252.500.000	41.525.250	415.252.500.000
Cổ phiếu đã niêm yết	36.960.000	369.600.000.000	36.960.000	369.600.000.000
Cổ phiếu phổ thông (*)	36.960.000	369.600.000.000	36.960.000	369.600.000.000
Cổ phiếu quỹ	-	-	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-	-	-
Cổ phiếu đang lưu hành	41.525.250	415.252.500.000	41.525.250	415.252.500.000
Cổ phiếu phổ thông	41.525.250	415.252.500.000	41.525.250	415.252.500.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu (Năm 2016: 10.000 VND/cổ phiếu).

(*) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, 3.000.000 cổ phiếu, tương ứng với giá trị thương hiệu được góp vốn bởi Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam, tạm thời chưa được niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán. Ngoài ra, 1.565.250 cổ phiếu được phát hành ngày 31 tháng 5 năm 2016 để hoán đổi với toàn bộ cổ phiếu của Công ty Đá Hòa Phát cũng tạm thời chưa được niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán.

Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải VânSố 65, Nguyễn Văn Cừ,
quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng**Báo cáo tài chính**cho giai đoạn tài chính sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017
và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-DN

19. DOANH THU**19.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Đơn vị tính: VND	
	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
Tổng doanh thu	454.646.152.439	466.146.981.711
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán xi măng</i>	442.583.340.893	392.561.742.359
<i>Doanh thu bán clinker</i>	7.082.591.747	59.075.599.160
<i>Doanh thu gia công xi măng</i>	1.816.383.073	8.364.265.228
<i>Doanh thu bán đá xây dựng</i>	3.163.836.726	5.460.380.992
<i>Doanh thu khác</i>	-	684.993.972
Các khoản giảm trừ doanh thu	(21.331.252.384)	(16.602.284.600)
Chiết khấu thương mại	(21.331.252.384)	(16.602.284.600)
Doanh thu thuần	433.314.900.055	449.544.697.111
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu thuần từ bán xi măng</i>	421.252.088.509	376.143.634.259
<i>Doanh thu thuần từ bán clinker</i>	7.082.591.747	59.075.599.160
<i>Doanh thu thuần từ gia công xi măng</i>	1.816.383.073	8.364.265.228
<i>Doanh thu thuần từ bán đá xây dựng</i>	3.163.836.726	5.276.204.492
<i>Doanh thu khác thuần</i>	-	684.993.972
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu thuần với các bên liên quan (Thuyết minh số 25)</i>	92.987.098.530	115.975.792.515
<i>Doanh thu thuần khác</i>	340.327.801.525	333.568.904.596

20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Đơn vị tính: VND	
	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
Giá vốn bán xi măng	379.063.575.187	332.847.815.386
Giá vốn bán clinker	6.821.662.150	54.425.770.774
Giá vốn gia công xi măng	1.784.000.883	5.274.632.557
Giá vốn bán đá xây dựng	4.488.860.942	4.946.377.617
Giá vốn khác	-	886.661.235
TỔNG CỘNG	392.158.099.162	398.381.257.569

Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải VânSố 65, Nguyễn Văn Cừ,
quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng**Báo cáo tài chính**cho giai đoạn tài chính sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017
và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-DN

21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Đơn vị tính: VND	
	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
Lãi tiền vay	15.892.692.237	19.988.851.964
Lỗ chênh lệch tỷ giá	13.802.608	1.071.128
TỔNG CỘNG	15.906.494.845	19.989.923.092

22. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Đơn vị tính: VND	
	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ		
Chi phí nhân công	3.529.251.563	5.658.354.210
Chi phí tư vấn bán hàng	1.270.874.533	1.272.224.476
Chi phí quảng cáo	1.158.630.452	1.476.556.333
Chi phí hỗ trợ tiêu thụ	507.928.123	682.136.363
Chi phí bán hàng khác	895.260.351	923.317.959
	7.361.945.022	10.012.589.341
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ		
Chi phí lương quản lý	6.087.172.379	7.061.977.655
(Hoàn nhập)/chi phí dự phòng phải thu khó đòi	(20.000.000)	2.147.396.511
Chi phí tư vấn quản lý doanh nghiệp	1.270.874.533	1.272.224.476
Chi phí khấu hao	455.629.800	530.431.287
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.633.612.600	1.624.760.857
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	989.070.727	1.771.428.334
	10.416.360.039	14.408.219.120

23. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Đơn vị tính: VND	
	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
Chi phí nguyên, nhiên vật liệu	281.785.613.276	275.265.977.624
Chi phí nhân công	25.186.173.098	33.624.925.641
Chi phí khấu hao và hao mòn	24.377.581.962	24.027.702.971
Chi phí dịch vụ mua ngoài	40.835.813.700	59.943.789.214
Chi phí khác	18.845.884.428	14.710.677.822
TỔNG CỘNG	391.031.066.464	407.573.073.272

Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải VânSố 65, Nguyễn Văn Cừ,
quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng**Báo cáo tài chính**cho giai đoạn tài chính sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017
và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-DN

24. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (“TNDN”)

Thuế suất thuế TNDN áp dụng cho Công ty là 20% lợi nhuận chịu thuế.

Các quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ sau đó có thể bị thay đổi về sau theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

24.1 Chi phí thuế TNDN

Đơn vị tính: VND

	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.515.714.549	1.931.425.006
TỔNG CỘNG	1.515.714.549	1.931.425.006

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

Đơn vị tính: VND

	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	6.498.403.986	9.410.925.027
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Công ty	1.299.680.797	1.882.185.006
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>		
Thù lao Hội đồng Quản trị không tham gia trực tiếp điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh	11.880.000	9.240.000
Khấu hao máy móc thiết bị ngừng hoạt động	130.556.355	-
Các chi phí không được khấu trừ khác	73.597.397	40.000.000
Chi phí thuế TNDN	1.515.714.549	1.931.425.006

Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải VânSố 65, Nguyễn Văn Cừ,
quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng**Báo cáo tài chính**cho giai đoạn tài chính sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

B09a-DN

vào ngày 30 tháng 6 năm 2017

và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

25. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Đơn vị tính: VND			
			Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016		
Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam	Công ty mẹ	Mua nguyên vật liệu	17.374.288.800	-		
		Thanh toán tiền mua nguyên vật liệu	1.000.000.000	4.000.000.000		
		Phí tư vấn quản trị doanh nghiệp và phí tư vấn bán hàng (*)	2.795.923.973	2.544.448.952		
		Thanh toán phí tư vấn	500.000.000	2.298.726.698		
		Thanh toán phí gia hạn phần mềm	2.046.773.052	-		
		Trả tiền lãi vay ngắn hạn	1.230.555.556	-		
		Phí nhãn hiệu	199.616.914	-		
		Chi phí hỗ trợ huyện nghèo	-	200.000.000		
		Thanh toán tiền hỗ trợ huyện nghèo	200.000.000	-		
		Bán xi măng	-	195.306.834		
		Cung cấp dịch vụ vận chuyển	-	61.272.666		
		Công ty Cổ phần Vicem Thạch cao Xi măng	Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty	Bán xi măng	558.469.324	-
				Mua nguyên vật liệu	16.172.392.201	1.591.617.045
Thanh toán tiền mua nguyên vật liệu	6.000.000.000			-		
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hoàng Thạch	Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty	Bù trừ công nợ	558.469.475	-		
		Phí gia công	-	499.636.323		
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai	Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty	Nhận tiền phí gia công xi măng	-	2.118.989.895		
		Cung cấp dịch vụ gia công xi măng	1.216.735.163	753.975.938		
		Phí gia công xi măng	6.416.049.696	-		
		Thanh toán phí gia công	1.000.000.000	-		
		Bù trừ công nợ	1.374.734.500	-		
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Vận tải Xi măng Hải Phòng	Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty	Chi phí trả hộ bên liên quan	143.636.473	-		
		Trả tiền vận chuyển xi măng	1.289.774.500	-		

Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải VânSố 65, Nguyễn Văn Cừ,
quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng**Báo cáo tài chính**cho giai đoạn tài chính sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017
và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-DN

25. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ bao gồm: (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Cho giai đoạn tài	Cho giai đoạn tài
			chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
Công ty Cổ phần Xi măng Bim Sơn	Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty	Cung cấp dịch vụ gia công xi măng	781.286.218	4.305.925.695
		Bán clinker	7.790.850.922	59.075.599.160
		Thu tiền phí gia công xi măng	5.000.000.000	2.000.000.000
		Thu tiền bán clinker	10.000.000.000	20.000.000.000
		Bù trừ công nợ	36.150.726.566	32.367.223.774
		Mua xi măng	8.137.476.600	1.891.491.249
		Cho vay clinker	1.953.580.215	2.005.603.888
		Nhập mua clinker	-	27.516.157.636
Công ty Cổ phần Vicem Vật liệu Xây dựng Đà Nẵng	Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty	Mua vật tư	1.940.531.428	22.529.151.267
		Bù trừ công nợ	1.940.531.428	32.942.612.003
		Chuyển trả tiền mua vật liệu	-	1.500.000.000
		Khuyến mại xi măng	-	1.030.907.050
		Bán xi măng	91.938.466.756	48.279.348.627
		Thu tiền bán xi măng	95.263.434.983	-
Công ty Cổ phần Vicem Vật tư Vận tải Xi măng	Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty	Mua nguyên vật liệu	64.962.043.608	46.791.841.367
		Thanh toán tiền mua nguyên vật liệu	50.959.165.021	18.000.000.000
Công ty Cổ phần Xi măng Hạ long	Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty	Phí gia công xi măng	28.820.200.000	1.396.827.727
		Thanh toán phí gia công	23.000.000.000	-
Nhà máy vật liệu chịu lửa kiểm tính Việt Nam	Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty	Mua nguyên vật liệu Chuyển trả tiền mua vật liệu	- 1.000.000.000	4.114.863.390 -
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hải Phòng	Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty	Mua xi măng thương mại	2.016.000.001	-
Công ty Tư vấn Đầu tư Phát triển Xi măng	Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty	Chi phí tư vấn	578.975.517	-
		Thanh toán phí tư vấn	78.975.516	-
Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1	Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty	Cung cấp dịch vụ gia công xi măng	-	2.804.727.272
		Nhận tiền gia công xi măng	-	5.145.600.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017
và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-DN

25. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(*) Đây là khoản phí phải trả cho Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam - Công ty mẹ của Công ty để thực hiện tư vấn, hỗ trợ và chuyển giao cho Công ty bí quyết quản trị doanh nghiệp nhằm tối ưu hóa hiệu quả sản xuất kinh doanh và tư vấn hỗ trợ bán hàng. Công ty đã ghi nhận các khoản chi phí nêu trên trong kỳ báo cáo.

Công ty bán hàng cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan theo mức giá bán niêm yết thông thường trừ đi chiết khấu hàng bán theo chính sách bán hàng của Công ty. Công ty mua hàng và dịch vụ từ các bên liên quan theo mức giá thông thường trên thị trường.

Số dư các khoản phải thu, phải trả tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2017 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền hoặc bù trừ công nợ. Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017, Công ty chưa trích lập bất cứ một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi nào liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Công ty (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 0 VND). Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi kỳ thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Phải thu khách hàng ngắn hạn (Thuyết minh số 5.1)				
Công ty Cổ phần Xi măng Bỉm Sơn	Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty	Phải thu tiền bán clinker và gia công xi măng	24.753.811.691	67.332.403.257
Công ty Cổ phần Vicem Vật liệu xây dựng Đà Nẵng	Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty	Phải thu tiền bán xi măng	5.246.233.960	10.511.731.115
			30.000.045.651	77.844.134.372
Trả trước cho người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 5.2)				
Công ty Tư vấn đầu tư phát triển xi măng	Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty	Tạm ứng lập báo cáo khảo sát	-	500.000.000
			-	500.000.000
Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số 6)				
Công ty Cổ phần xi măng Bỉm Sơn	Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty	Cho vay clinker	10.047.463.335	8.093.883.120
			10.047.463.335	8.093.883.120

Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải VânSố 65, Nguyễn Văn Cừ,
quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng**Báo cáo tài chính**cho giai đoạn tài chính sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017
và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-DN

25. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:
(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 13)				
Công ty Cổ phần Vicem Vật tư Vận tải Xi măng	Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty	Mua nguyên vật liệu	69.243.766.604	55.240.888.017
Công ty Cổ phần Vicem thạch cao xi măng	Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty	Mua nguyên vật liệu	23.478.594.901	13.864.672.176
Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam	Công ty mẹ	Phí tư vấn quản trị doanh nghiệp và phí tư vấn bán hàng, mua nguyên vật liệu	26.543.503.376	9.720.446.742
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai	Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty	Chi phí gia công xi măng và mua xi măng thương mại	10.761.035.697	6.719.720.496
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hải Phòng	Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty	Tiền tài trợ quảng cáo	550.000.000	550.000.000
		Mua xi măng thương mại	8.093.000.000	6.077.000.000
Công ty TNHH Tập đoàn Thăng Lợi	Cùng chung chủ sở hữu	Tiền chuyển nhượng nhà máy Áng Sơn II	6.000.000.000	6.000.000.000
Nhà máy vật liệu chịu lửa kiêm tinh Việt Nam	Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty	Mua nguyên vật liệu	4.315.606.940	5.315.606.940
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Vận tải Xi măng Hải Phòng	Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty	Tiền vận chuyển xi măng	-	1.289.774.500
Công ty Cổ phần Vicem Bảo vệ Hải Phòng	Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty	Mua vỏ bao xi măng	1.495.683.800	1.995.683.800
Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long	Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty	Phí gia công	5.820.200.000	-
			156.301.391.318	106.773.792.671
Chi phí phải trả ngắn hạn (Thuyết minh số 15)				
Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam	Công ty mẹ	Lãi vay phải trả	-	1.230.555.556
Công ty Cổ phần Xi măng Hạ long	Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty	Phí gia công xi măng	-	940.000.000
			-	2.170.555.556
Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh số 16)				
Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam	Công ty mẹ	Phải trả tiền hỗ trợ huyện nghèo	-	200.000.000
			-	200.000.000

Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải VânSố 65, Nguyễn Văn Cừ,
quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng**Báo cáo tài chính**cho giai đoạn tài chính sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017
và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-DN

25. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**Các giao dịch với các bên liên quan khác**

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Thù lao cho Hội đồng Quản trị	185.286.000	181.500.000
Lương và thưởng cho Ban Tổng Giám đốc	645.027.728	833.858.406
TỔNG CỘNG	830.313.728	1.015.358.406

26. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	4.982.689.437	7.479.500.021
Điều chỉnh giảm do trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	(747.813.383)
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.982.689.437	6.731.686.638
Ảnh hưởng suy giảm	-	-
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông sau khi đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm	4.982.689.437	6.731.686.638
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông (không bao gồm cổ phiếu quỹ) đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm	41.525.250	40.219.434
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	119,99	167,37
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	119,99	167,37

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017
và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-DN

26. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU (tiếp theo)

(*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trong báo cáo tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 để phản ánh khoản thực trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận để lại của năm 2016 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 16/NQ - ĐHĐCĐ ngày 9 tháng 5 năm 2017.

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho giai đoạn tài chính sáu tháng năm 2017 chưa được điều chỉnh giảm cho khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi do chưa có Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông để trích lập quỹ từ nguồn lợi nhuận sau thuế của năm 2017.

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày hoàn thành báo cáo tài chính giữa niên độ này.

27. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Công ty chỉ có một khu vực kinh doanh là lãnh thổ Việt Nam.

Đồng thời, Công ty chỉ có một lĩnh vực kinh doanh duy nhất là sản xuất và kinh doanh xi măng và các sản phẩm từ xi măng.

28. CÁC CAM KẾT VÀ CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG

Cam kết thuê hoạt động

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017, Công ty có các cam kết liên quan đến các khoản tiền thuê đất, phí bảo dưỡng cơ sở hạ tầng phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động như sau:

Hợp đồng thuê đất tại nhà máy xi măng Vạn Ninh

Ngày 28 tháng 10 năm 2013, Công ty đã ký các hợp đồng thuê đất số 147/HĐTĐ, 148/HĐTĐ, 149/HĐTĐ, 150/HĐTĐ và 151/HĐTĐ với bên cho thuê đất là UBND tỉnh Quảng Bình, đại diện là Sở Tài nguyên và Môi trường, về việc thuê các thửa đất số 309 (149.781 m²), số 311 và 312 (10.300 m²), số 320 (20.137,3 m²), số 321 (5.414,3 m²), với thời gian thuê đất từ năm 2013 tới năm 2060. Theo Quyết định số 21/QĐ-CT của Cục thuế tỉnh Quảng Bình, Công ty được miễn tiền thuê đất đối với các thửa đất số 309, 311 và 312 đến hết tháng 12 năm 2018, được miễn tiền thuê đất đối với các thửa đất số 320 và 321 đến hết tháng 8 năm 2020. Tiền thuê đất các năm tiếp theo sẽ được thực hiện theo thông báo nợ tiền thuê đất của Cục thuế tỉnh Quảng Bình ấn định tại năm phát sinh.

Hợp đồng thuê đất tại nhà máy xi măng Hải Vân

Theo hợp đồng số 05/2007/HĐ-TLĐ/SDN ngày 1 tháng 1 năm 2007, Phụ lục hợp đồng số 05/2011/PLHĐ-TLĐ/SDN ngày 1 tháng 7 năm 2011 và Phụ lục hợp đồng số 01/2013/PLHĐ-TLĐ/SDN ngày 1 tháng 6 năm 2013 giữa Công ty và bên cho thuê đất là Công ty Cổ phần Đầu tư Sài Gòn - Đà Nẵng, Công ty đã thuê 27.426m² tại Khu Công nghiệp Liên Chiểu, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng với thời hạn thuê đất 39 năm từ ngày 1 tháng 1 năm 2006 đến ngày 1 tháng 1 năm 2045 và đơn giá thuê đất là 4.830 đồng/m²/năm. Ngoài ra, Công ty có nghĩa vụ trả phí bảo dưỡng cơ sở hạ tầng theo phụ lục 09A/2012/PLHĐ-TLĐ/SDN ngày 10 tháng 5 năm 2012 là 2.520 đồng/m²/năm. Toàn bộ tiền thuê đất 39 năm đã được Công ty trả trước một lần và phí bảo dưỡng cơ sở hạ tầng được trả hàng năm theo đơn giá trên.

二一〇一
T R
I I
I I
I I
I I

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017
và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-DN

28. CÁC CAM KẾT VÀ CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG (tiếp theo)***Cam kết thuê hoạt động (tiếp theo)******Hợp đồng thuê đất tại nhà máy xi măng Hải Vân (tiếp theo)***

Theo hợp đồng số 03/2009/HĐ-TLĐ/SDN ngày 10 tháng 4 năm 2009 giữa Công ty và bên cho thuê đất là Công ty Cổ phần Đầu tư Sài Gòn - Đà Nẵng, Công ty đã thuê diện tích đất 11.425 m² tại vị trí lô G, đường số 3, Khu Công nghiệp Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng với thời hạn thuê đất 38 năm từ ngày 10 tháng 4 năm 2009 đến ngày 10 tháng 4 năm 2047. Ngoài ra, Công ty có nghĩa vụ trả phí bảo dưỡng cơ sở hạ tầng theo phụ lục hợp đồng số 09B/2012/PLHĐ-TLĐ/SDN ngày 10 tháng 5 năm 2012 là 4.200 đồng/m²/năm.

Hợp đồng thuê nhà xưởng, dây chuyền nghiền xi măng tại nhà máy xi măng Vạn Ninh

Theo hợp đồng số 01/2014/HĐKT ngày 8 tháng 9 năm 2014 giữa Công ty và Công ty TNHH XNK Máy móc và Thiết bị Trường Giang, Công ty đã thuê lại toàn bộ nhà xưởng, dây chuyền nghiền xi măng PCB30 và PCB40 (đồng bộ), với công suất máy nghiền 7-9 tấn/giờ, năng suất tương đương 45.000 tấn/năm. Thời hạn thuê theo hợp đồng là 10 năm từ ngày 1 tháng 2 năm 2015 (ngày bàn giao nhà xưởng và dây chuyền nghiền). Công ty có nghĩa vụ thanh toán tiền thuê theo hợp đồng với mức phí 4,3 tỷ VND/năm trong 5 năm đầu tiên và 3,5 tỷ VND/năm trong 5 năm tiếp theo.

Lợi nhuận cam kết theo hợp đồng hợp tác đầu tư

Ngày 1 tháng 5 năm 2017, Công ty đã ký hợp đồng hợp tác đầu tư số 211/XM/2017/02 với Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn để hợp tác đầu tư xây dựng và kinh doanh Kho trung chuyển và đóng bao xi măng tại Cảng Quy Nhơn, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định. Theo đó, việc hợp tác đầu tư của các bên không hình thành pháp nhân mới và Công ty sẽ phân chia một khoản lợi nhuận cố định tối thiểu hàng năm cho Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn với số tiền là 469.800.000 VND. Hợp đồng này có thời hạn là 10 năm từ ngày 1 tháng 5 năm 2017 đến ngày 30 tháng 4 năm 2027.

Cam kết về nghĩa vụ khôi phục hiện trạng của các mỏ khoáng sản

Theo Quyết định số 497/QĐ-UBND ngày 10 tháng 3 năm 2011 của UBND tỉnh Quảng Bình, UBND tỉnh Quảng Bình đã phê duyệt nội dung Dự án Cải tạo, phục hồi môi trường của dự án "Đầu tư xây dựng và khai thác mỏ đá vôi Đông Nam Lèn Áng" của Công ty với tổng kinh phí là 863.237.074 đồng Việt Nam (kỳ quỹ trong vòng 30 năm khai thác theo giấy phép). Số tiền ký quỹ được nộp hàng năm theo thông báo của Chi cục Bảo vệ môi trường tỉnh Quảng Bình với số tiền ký quỹ lần đầu là 129.485.561 VND và 25.301.776 VND cho những năm tiếp theo kể từ năm 2013. Tính tới thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2017, Công ty đã thực hiện ký quỹ số tiền là 258.405.831 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017
và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-DN

28. CÁC CAM KẾT VÀ CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG (tiếp theo)***Cam kết và nợ tiềm tàng về tiền cấp quyền khai thác khoáng sản***

Theo Hợp đồng chuyển nhượng vốn đầu tư Dự án nhà máy Xi măng Áng Sơn II số 207 ngày 31 tháng 1 năm 2013, Công ty TNHH Tập đoàn Thăng Lợi đã chuyển nhượng cho Công ty quyền khai thác khoáng sản của các mỏ đá vôi, đá sét, quặng sắt, cao silic làm nguyên liệu sản xuất từ ngày 7 tháng 1 năm 2013.

Theo Giấy phép khai thác khoáng sản số 3163/GP-BTNMT ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Nguyên và Môi Trường, Công ty được phép tiếp tục khai thác đá vôi làm nguyên liệu xi măng bằng phương pháp lộ thiên tại khu vực Đông Nam Lèn Áng, xã Ngân Thủy, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình với thời hạn khai thác đến ngày 25 tháng 4 năm 2042. Cũng theo Giấy phép trên, tổng số tiền Công ty phải nộp tính theo giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản là 22.492.697.000 VND chia làm 24 lần nộp, mỗi năm nộp 937.195.000 VND bắt đầu từ năm 2014. Tính tới thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2017, Công ty đã thanh toán số tiền 937.195.000 VND cho năm 2017.

Theo Nghị định số 203/2013/NĐ-CP ("Nghị định 203") ngày 28 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ (có hiệu lực từ ngày 20 tháng 1 năm 2014), đơn vị khai thác khoáng sản có nghĩa vụ nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản tính trên trữ lượng khoáng sản được cấp phép khai thác còn lại từ ngày 1 tháng 7 năm 2011 (ngày có hiệu lực của Luật Khoáng sản 2010). Do Công ty được chuyển nhượng quyền khai thác mỏ đá vôi từ Công ty TNHH Tập đoàn Thăng Lợi từ ngày 7 tháng 1 năm 2013 nên Công ty sẽ phát sinh nghĩa vụ phải trả phí cấp quyền khai thác khoáng sản kể từ ngày 7 tháng 1 năm 2013.

Theo Quyết định số 1898/QĐ-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường ngày 5 tháng 9 năm 2014, số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với trữ lượng đã khai thác từ ngày 25 tháng 4 năm 2012 đến ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 829.826.000 VND. Tuy nhiên, số tiền này tạm thời chưa thu theo ý kiến chỉ đạo tại Công văn số 723/TTg-KTN ngày 21 tháng 5 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc tháo gỡ một số vấn đề vướng mắc trong lĩnh vực địa chất khoáng sản. Do vậy, Công ty trình bày khoản tiền cấp quyền khai thác khoáng sản phải nộp từ ngày 7 tháng 1 năm 2013 đến ngày 31 tháng 12 năm 2013 là một khoản nợ tiềm tàng của Công ty cho đến khi có các quyết định tiếp theo của Thủ tướng chính phủ.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, tiền cấp quyền khai thác khoáng sản phải trả trong tương lai theo quy định tại Nghị định 203 được trình bày như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
Đến 1 năm	937.195.000	937.195.000
Trên 1 – 5 năm	3.748.780.000	3.748.780.000
Trên 5 năm	13.120.730.000	14.995.127.000
TỔNG CỘNG	17.806.705.000	19.681.102.000

Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải VânSố 65, Nguyễn Văn Cừ,
quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng**Báo cáo tài chính**cho giai đoạn tài chính sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017
và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-DN

28. CÁC CAM KẾT VÀ CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG (tiếp theo)***Nợ tiềm tàng về nghĩa vụ thuế tài nguyên***

Công ty có nghĩa vụ phải tính và nộp thuế tài nguyên theo hướng dẫn tại Thông tư số 152/2015/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 2 tháng 10 năm 2015 hướng dẫn về thuế tài nguyên ("Thông tư 152") kể từ ngày 20 tháng 11 năm 2015. Theo quy định tại Thông tư này, giá tính thuế tài nguyên được xác định căn cứ vào giá bán (trường hợp tiêu thụ trong nước) hoặc trị giá hải quan (đối với trường hợp xuất khẩu) của sản phẩm công nghiệp bán ra trừ thuế xuất khẩu (nếu có) và chi phí chế biến công nghiệp của công đoạn chế biến từ sản phẩm tài nguyên thành sản phẩm công nghiệp. Cũng theo quy định tại Thông tư 152, chi phí chế biến được xác định phải căn cứ theo hướng dẫn của các Bộ quản lý nhà nước chuyên ngành, Bộ Tài chính và do Sở Tài chính các tỉnh chủ trì, phối hợp với cơ quan thuế, cơ quan tài nguyên môi trường và cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành có liên quan thống nhất xác định trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định. Tuy nhiên, đến thời điểm lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Công ty chưa nhận được các hướng dẫn chi tiết từ các cơ quan quản lý nhà nước về cách xác định chi phí chế biến để làm cơ sở xác định giá tính thuế tài nguyên theo hướng dẫn của Thông tư 152. Do đó, cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017, Công ty hiện đang áp dụng giá tính thuế theo các quy định của Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Bình và Ủy ban Nhân dân tỉnh Đà Nẵng ban hành theo các Quyết định số 20/2013/QĐ-UBND ngày 27 tháng 8 năm 2013 và Quyết định số 42/2015/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2015. Công ty hiện chưa thể xác định được các ảnh hưởng (nếu có) liên quan đến nghĩa vụ thuế tài nguyên phải nộp bổ sung hoặc sẽ được hoàn trả lại từ cơ quan thuế địa phương nếu phải áp dụng giá tính thuế mới.

29. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công (VND)	-	327.078.859
Ngoại tệ các loại		
- Đô la Mỹ (USD)	89,14	8.326

30. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty.

		
_____ Người lập Bạch Doãn Long	_____ Phụ trách kế toán Trương Văn Tuấn	_____ Tổng Giám đốc Trần Văn Khôi

Đà Nẵng, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2017

